

**PHỤ LỤC I. ĐÁNH GIÁ TÍNH THỰC CHẤT CỦA VIỆC THỰC THI NHIỆM VỤ**  
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số -BC/BCĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số)*

-----

STT	Nhóm vấn đề	Cơ quan cung cấp thông tin	Trạng thái	Kết quả cụ thể đến nay (Đo lường được bằng số liệu, sản phẩm cụ thể)	Hiệu quả/tác động tích cực/lợi ích đem lại (Đối với vấn đề đã hoàn thành)	Hệ quả/tác động tiêu cực đến những vấn đề khác có liên quan (đối với vấn đề chưa hoàn thành)
1	Việc bảo đảm trang thiết bị tối thiểu	Sở KH&CN	Đã hoàn thành	Quyết định số 1505/QĐ-UBND, ngày 01/10/2025 để thực hiện mua sắm, nâng cấp máy móc, thiết bị công nghệ thông tin thiết yếu; Quyết định số 2824/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động của UBND cấp xã và triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Sau khi hoàn thành sắp xếp theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, từ 01/7/2025, UBND tỉnh đã quan tâm bố trí nguồn lực với mức 200 triệu đồng/đơn vị cho 124 UBND cấp xã. Ngày 09/6/2026, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2824/QĐ-UBND về chủ trương đầu tư dự án Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động của UBND cấp xã và triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Theo đó, tập trung đầu tư các trang thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị đo lường cho UBND cấp xã; thiết bị triển khai đề án 06 của Công an cấp xã... với tổng mức đầu tư khoảng 219 tỷ đồng từ nguồn ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 -2030.	
2	Mức độ thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp: Giảm hồ sơ giấy, giảm đi lại, giảm thời gian xử lý...	Văn phòng UBND tỉnh	Đã hoàn thành	100% TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn tỉnh đạt trên 80%; người dân có thể sử dụng VNeID để đăng nhập và thực hiện TTHC.	Giảm số lần đi lại; giảm chi phí giấy tờ, photocopy; rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ; nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.	
3	Việc tái cấu trúc quy trình TTHC gắn với các trường thông tin, dữ liệu; các CSDL có liên quan	Văn phòng UBND tỉnh	Đã hoàn thành	Theo lộ trình của các Bộ chủ quản CSDL	Giảm số lượng giấy tờ phải nộp; giảm thời gian kê khai, đối chiếu thông tin; hạn chế yêu cầu cung cấp lại dữ liệu đã có; nâng cao chất lượng giải quyết TTHC và trải nghiệm của người dân, doanh nghiệp.	
4	Việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Đã hoàn thành	100% TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được công bố và theo dõi, quản lý trên môi trường điện tử	Giảm số lần đi lại; giảm chi phí giấy tờ, photocopy; rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ; nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.	

STT	Nhóm vấn đề	Cơ quan cung cấp thông tin	Trạng thái	Kết quả cụ thể đến nay (Đo lường được bằng số liệu, sản phẩm cụ thể)	Hiệu quả/tác động tích cực/lợi ích đem lại (Đối với vấn đề đã hoàn thành)	Hệ quả/tác động tiêu cực đến những vấn đề khác có liên quan (đối với vấn đề chưa hoàn thành)
5	Việc số hóa tài liệu lưu trữ	Văn phòng UBND tỉnh	Đã hoàn thành	100% văn bản đi, đến và hồ sơ công việc được lưu trữ trên Hệ thống	Thuận tiện trong tra cứu và lưu trữ hồ sơ	
6	Việc tái sử dụng dữ liệu sau số hóa	Văn phòng UBND tỉnh	Đã hoàn thành	Theo lộ trình của các Bộ chủ quản CSDL	Giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ phải nộp; giảm thời gian kê khai, xác minh thông tin; nâng cao chất lượng dữ liệu, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính; góp phần hình thành nguyên tắc "người dân chỉ cung cấp thông tin một lần", nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.	
7	Hiệu quả giá trị kinh tế mạng lại (tiết kiệm chi phí cho cơ quan Nhà nước (cấp Trung ương, địa phương).	Văn phòng UBND tỉnh	Đã hoàn thành	Tăng cường sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số, hồ sơ điện tử và các hệ thống thông tin dùng chung; giảm chi phí in ấn, sao lưu, lưu trữ hồ sơ giấy, chuyển phát văn bản và tổ chức các cuộc họp trực tiếp; đẩy mạnh xử lý công việc trên môi trường số.	Tiết kiệm đáng kể chi phí hành chính, văn phòng phẩm, bưu chính và lưu trữ hồ sơ; giảm thời gian xử lý công việc của cán bộ, công chức; nâng cao năng suất lao động, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước; tối ưu việc sử dụng nguồn lực ngân sách.	
8	Việc bảo đảm nhân lực chuyên trách cho chuyển đổi số, CNTT, an toàn thông tin	Sở KH&CN	Chưa hoàn thành	Đội ngũ nhân lực chuyên trách về chuyên đổi số, công nghệ thông tin và an toàn thông tin tại nhiều cơ quan, đơn vị còn thiếu so với yêu cầu nhiệm vụ; chưa đáp ứng yêu cầu triển khai đồng bộ các nhiệm vụ về chuyên đổi số, quản trị dữ liệu và bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong tình hình mới.		Gây khó khăn trong việc triển khai các nền tảng số, cơ sở dữ liệu và dịch vụ số; ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn thông tin, làm giảm hiệu quả khai thác và vận hành các hệ thống thông tin dùng chung.
9	Việc triển khai các bài toán lớn của địa phương	Sở KH&CN	Chưa hoàn thành	UBND tỉnh đã phê duyệt danh mục 03 bài toán lớn. Hiện nay đang tổ chức triển khai thực hiện.		
10	Phát triển, ứng dụng trí tuệ nhân tạo	Sở KH&CN	Chưa hoàn thành	Tỉnh đang phối hợp với đơn vị cung cấp giải pháp tiên hành thí điểm ứng		

STT	Nhóm vấn đề	Cơ quan cung cấp thông tin	Trạng thái	Kết quả cụ thể đến nay (Đo lường được bằng số liệu, sản phẩm cụ thể)	Hiệu quả/tác động tích cực/lợi ích đem lại (Đối với vấn đề đã hoàn thành)	Hệ quả/tác động tiêu cực đến những vấn đề khác có liên quan (đối với vấn đề chưa hoàn thành)
				dụng AI để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp việc giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Công ty Cổ phần đầu tư Kỹ nguyên mới Việt Nam đăng ký, đề xuất nội dung phối hợp triển khai thử nghiệm ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước tỉnh Lâm Đồng. Theo đó, sẽ triển khai thử nghiệm tại 6 đơn vị hành chính cấp xã, với các nội dung giải pháp: (1) Trung tâm tri thức hình ảnh và giám sát thông minh (Hệ thống AI tự động phân tích và cảnh báo thông minh); (2) Trợ lý ảo hành chính công hỗ trợ người dân trong việc thực hiện các thủ tục dịch vụ công.		
11	Ban hành Đề án/Kế hoạch phát triển đô thị thông minh và cơ chế điều phối thực hiện	Sở KH&CN	Chưa hoàn thành	-	-	-
12	Xác định các bài toán đô thị trọng tâm cần giải quyết	Sở KH&CN	Chưa hoàn thành	-	-	-
13	Dữ liệu đô thị dùng chung và liên thông dữ liệu	Sở KH&CN	Chưa hoàn thành	-	-	-
14	Vận hành IOC/SOC và các nền tảng điều hành đô thị	Văn phòng UBND tỉnh; Công an tỉnh	Đã hoàn thành	Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) của tỉnh đang được duy trì vận hành; đã tích hợp nhiều hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và các chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. Trung tâm Giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) được triển khai nhằm giám sát, cảnh báo và hỗ trợ xử lý các nguy cơ mất an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh. Sau sáp nhập, tỉnh	Phục vụ công tác theo dõi, chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh	

STT	Nhóm vấn đề	Cơ quan cung cấp thông tin	Trạng thái	Kết quả cụ thể đến nay (Đo lường được bằng số liệu, sản phẩm cụ thể)	Hiệu quả/tác động tích cực/lợi ích đem lại (Đối với vấn đề đã hoàn thành)	Hệ quả/tác động tiêu cực đến những vấn đề khác có liên quan (đối với vấn đề chưa hoàn thành)
				đang tiếp tục rà soát, chuẩn hóa và tích hợp các hệ thống, dữ liệu của các địa phương trước đây để hình thành nền tảng điều hành thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh.		
15	Gắn đô thị thông minh với quy hoạch và hạ tầng đô thị	Sở KH&CN	Chưa hoàn thành	-	-	-
16	Phát triển đô thị thông minh theo khu vực, dự án Khu đô thị thông minh hoặc phát triển đô thị thông minh theo lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật (cấp, thoát nước; chiếu sáng...); hạ tầng xã hội (y tế, giáo dục...);	Sở KH&CN	Chưa hoàn thành	-	-	-
17	Kinh phí, nguồn lực và cơ chế huy động doanh nghiệp tham gia	Sở KH&CN	Chưa hoàn thành	-	-	-
18	Hiệu quả thực chất, mô hình tốt và vững chắc tháo gỡ	Sở KH&CN	Chưa hoàn thành	-	-	-
19	Đánh giá mức độ trưởng thành đô thị thông minh theo 03 cấp độ	Sở KH&CN	Chưa hoàn thành	-	-	-
20	Rà soát bố trí kinh phí để nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung trang thiết bị CNTT đã xuống cấp	Sở KH&CN	Đã hoàn thành	Đã rà soát hiện trạng hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị; bố trí kinh phí để nâng cấp, thay thế và bổ sung các thiết bị CNTT xuống cấp, không còn đáp ứng yêu cầu vận hành các hệ thống thông tin và chuyển đổi số.	Góp phần bảo đảm hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước; nâng cao hiệu quả khai thác các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung; tăng cường an toàn thông tin và khả năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.	

STT	Nhóm vấn đề	Cơ quan cung cấp thông tin	Trạng thái	Kết quả cụ thể đến nay (Đo lường được bằng số liệu, sản phẩm cụ thể)	Hiệu quả/tác động tích cực/lợi ích đem lại (Đối với vấn đề đã hoàn thành)	Hệ quả/tác động tiêu cực đến những vấn đề khác có liên quan (đối với vấn đề chưa hoàn thành)
21	Việc đăng ký và giải ngân kinh phí	Sở KH&CN	Đã hoàn thành	Các cơ quan, đơn vị đã thực hiện đăng ký nhu cầu kinh phí và triển khai giải ngân theo quy định đối với các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Bảo đảm nguồn lực triển khai các nhiệm vụ được giao; góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án và nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số.	

**PHỤ LỤC II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, HIỆU QUẢ ĐEM LẠI**  
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số -BC/BCĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số)*

-----

STT	Số văn bản đã ban hành		Số phiên họp/cuộc họp		Các phương thức chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu đã áp dụng	Những chuyển biến cụ thể, hiệu quả thực chất đem lại	Khó khăn, vướng mắc đã được tháo gỡ	Tác động đối với cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp
	Người đứng đầu trực tiếp ký	Cấp phó người đứng đầu ký	Người đứng đầu chủ trì	Cấp phó người đứng đầu chủ trì				
1	38	71	3	1	Chỉ đạo, điều hành trên cơ sở khai thác dữ liệu từ Hệ thống thông tin báo cáo, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, nền tảng số dùng chung; theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ trên môi trường số; sử dụng bộ chỉ số, số liệu đo lường để đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và hỗ trợ ra quyết định	Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo; kịp thời phát hiện và xử lý các nhiệm vụ chậm tiến độ; tăng tính minh bạch, trách nhiệm giải trình; đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về dữ liệu, hạ tầng số, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.	Khắc phục từng bước tình trạng phân tán dữ liệu sau sáp nhập; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan; tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế phối hợp, phân công nhiệm vụ và tổ chức triển khai các nhiệm vụ liên ngành.	Nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước; rút ngắn thời gian xử lý công việc; nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; tạo môi trường thuận lợi cho ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## PHỤ LỤC III. PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ, SÁNG KIẾN, GIẢI PHÁP TỐT, CÓ GIÁ TRỊ THỰC TIỄN

(Ban hành kèm theo Báo cáo số -BC/BCĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số)

-----

### 1. Việc giải quyết những phản ánh, kiến nghị

ST T	Nhóm PAKN/SKGP xuất hiện nhiều		Những điểm nghẽn được phản ánh?	Đã giải quyết dứt điểm chưa?
	PAKN/SKGP mới	PAKN/SKGP được đề cập kéo dài hoặc lặp lại		
1	-	Chính sách, chế độ và vị trí việc làm liên quan đến cán bộ phụ trách chuyển đổi số cấp xã (Nghị định số 179/2025/NĐ-CP, Thông tư số 23/2025/TT-BKHCHN)	Một số cán bộ, công chức cấp xã còn lúng túng trong việc xác định vị trí việc làm chuyên trách chuyển đổi số, điều kiện chuyên môn, thẩm quyền giao nhiệm vụ và chế độ hỗ trợ theo quy định hiện hành.	Đã được các cơ quan chức năng tiếp nhận, hướng dẫn, trả lời theo thẩm quyền; không phát sinh vụ việc phức tạp, kéo dài.
2	-	Đào tạo, tập huấn và phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số	Phản ánh nhu cầu tăng cường tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ phụ trách chuyển đổi số ở cơ sở.	Đã được ghi nhận, lồng ghép trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số của tỉnh.
3	-	Trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số	Một số ý kiến phản ánh hạ tầng, trang thiết bị CNTT tại cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số.	Đã được các cơ quan chuyên môn tiếp nhận, rà soát và từng bước xử lý theo kế hoạch đầu tư, nâng cấp hạ tầng.
4	-	Các nội dung khác không thuộc phạm vi KHCN, ĐMST và CDS	Một số phản ánh liên quan đến đất đai, trật tự xây dựng, hành chính công, dân sinh... không thuộc phạm vi xử lý của lĩnh vực KHCN, ĐMST và CDS.	Đã được chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý hoặc từ chối tiếp nhận theo quy định.

### 2. Những sáng kiến, giải pháp

ST T	Nội dung PAKN/SKGP	Cơ quan/ Tổ chức/ Cá nhân đề xuất	Giá trị thực tiễn có thể mang lại	Kiến nghị của cơ quan giải quyết để SKGP có thể triển khai, áp dụng
	Không	Không	Không	Không

**PHỤ LỤC IV. THẺ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐÃ BAN HÀNH, CẦN BAN HÀNH**  
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số -BC/BCĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số)*

-----

**1. Số liệu tổng hợp chung**

ST T	Số văn bản cần ban hành	Số văn bản đã ban hành	Số văn bản đang trình ban hành	Số văn bản đang dự thảo	Số văn bản chậm ban hành so với kế hoạch/nhiệm vụ giao	Số văn bản còn phải ban hành trong thời gian tới	Ghi chú
	-	03	02	05	-	-	

**2. Đối với các văn bản đã ban hành**

STT	Tên, số hiệu văn bản đã ban hành	Ngày ban hành		Ngày có hiệu lực	Người ký trình cấp có thẩm quyền ban hành		Những cơ chế/chính sách/quy định mới (chỉ rõ điều, khoản, điểm)	Đã giải quyết, tháo gỡ được những vấn đề/điểm nghẽn gì cho KH&CN, ĐMST	Hiệu quả mang lại	Những vấn đề còn chưa được giải quyết
		Đúng hạn	Quá hạn		Người đứng đầu	Cấp phó				
1	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND			28/8/2025			cho áp dụng và bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND các tỉnh Bình Thuận, Lâm Đồng, Đắk Nông cũ đã ban hành trước khi sáp nhập	Tháo gỡ khoảng trống pháp lý sau sáp nhập tỉnh; bảo đảm việc lập dự toán, quản lý và triển khai nhiệm vụ KH&CN không bị gián đoạn.	Duy trì tính liên tục trong quản lý nhà nước về KH&CN; tạo cơ sở để các cơ quan, đơn vị tiếp tục triển khai nhiệm vụ, giải ngân kinh phí đúng quy định.	Một số nội dung, định mức giữa các địa phương cũ còn khác nhau; cần tiếp tục rà soát để ban hành cơ chế thống nhất áp dụng toàn tỉnh.

2	Nghị quyết số 18/2026 /NQ-HĐND			14/5/2026			Quy định nội dung, mức chi quản lý và thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Tháo gỡ khó khăn về kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.	Tạo động lực thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh; tăng khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ của doanh nghiệp và tổ chức KH&CN.	Nguồn lực hỗ trợ còn hạn chế; chưa hình thành nhiều quỹ đầu tư và cơ chế xã hội hóa mạnh cho hoạt động ĐMST.
3	Nghị quyết số 19/2026 /NQ-HĐND			14/5/2026			Quy định nội dung và mức chi một số hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	Khắc phục tình trạng thiếu thống nhất, chưa cập nhật đầy đủ thủ tục hành chính sau sáp nhập và sau khi có quy định mới của Trung ương.	Tăng tính công khai, minh bạch; tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận và thực hiện TTHC trong lĩnh vực KH&CN.	Một số TTHC vẫn cần tiếp tục đơn giản hóa, số hóa toàn trình và liên thông dữ liệu giữa các cơ quan.

### 3. Đối với các văn bản cần ban hành

STT	Mục tiêu xử lý vấn đề gì	Dự kiến thời gian hoàn thành	Tiến độ xây dựng văn bản	Những cơ chế/chính sách/quy định mới cần quy định	Những vấn đề/điểm nghẽn cần giải quyết	Hiệu quả mong muốn	Ghi chú
1	UBND tỉnh ban hành Quyết định Quy định quản lý nhiệm vụ KHCN & ĐMST sử dụng ngân sách	6/2026	Đang trình	Quy định quản lý nhiệm vụ KHCN & ĐMST sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, do thay thế, sửa đổi, bổ sung như: Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QĐ15; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới	Không	Nhằm cụ thể hóa các quy định của Trung ương, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ tạo phù hợp với điều	

	nhà nước trên địa bàn Tỉnh Lâm Đồng			sáng 4 tạo số 93/2025/QH15 và các nghị định, thông tư hướng dẫn triển khai Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.		kiện thực tiễn của địa phương	
2	UBND tỉnh ban hành Quyết định phân cấp quản lý đối với một số nội dung thuộc lĩnh vực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	6/2026	Đang trình	Phân cấp thẩm quyền quản lý một số hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, Nghị định số 268/2025/NĐ-CP và Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN	Không	Nâng cao tính chủ động, trách nhiệm của cơ quan chuyên môn; rút ngắn quy trình xử lý công việc, giảm tầng nấc trung gian; bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được kịp thời, hiệu quả, đúng thẩm quyền; đồng thời phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát trong giai đoạn hiện nay.	
3	Đề án phát triển, thu hút, trọng dụng nhân tài làm việc tại tỉnh	Năm 2026	Đang dự thảo	Chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ nhà ở, môi trường làm việc, nghiên cứu khoa học và cơ chế sử dụng nhân tài trong khu vực công	Thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao; khó thu hút chuyên gia, nhân tài về địa phương công tác lâu dài	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển tỉnh	
4	Đề án phát huy vai trò đội ngũ trí thức, nhà khoa học ngoài hệ thống chính trị	Năm 2026	Đang dự thảo	Cơ chế huy động, đặt hàng, tư vấn, phân biện, tham gia nhiệm vụ KHHCN, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội đổi	Chưa phát huy hiệu quả nguồn lực tri	Tận dụng hiệu quả nguồn lực trí thức, khoa học công	

	phục vụ mục tiêu tăng trưởng 2 con số; góp phần đưa tỉnh Lâm Đồng phát triển nhanh, bền vững đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035			với đội ngũ trí thức ngoài hệ thống chính trị	thức xã hội; thiếu cơ chế kết nối và sử dụng chuyên gia ngoài khu vực nhà nước	nghệ phục vụ phát triển nhanh, bền vững của tỉnh	
5	Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, quản lý các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn phát triển mới	Năm 2026	Đang dự thảo	Quy định về đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quản trị hiện đại, chuyển đổi số, năng lực điều hành cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý	Chất lượng, năng lực quản trị và khả năng thích ứng chuyển đổi số của một bộ phận cán bộ còn hạn chế	Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, đáp ứng yêu cầu phát triển và chuyển đổi số trong tình hình mới	
6	Đề án nâng cao chất lượng, năng lực đội ngũ cán bộ trẻ, nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ cơ sở nhiệm kỳ 2025-2030 và Nghị quyết về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2030, định hướng đến năm 2035	Năm 2026	Đang dự thảo	Chính sách đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, tạo nguồn cán bộ trẻ, nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số và cán bộ cơ sở	Thiếu hụt nguồn cán bộ kế cận; chất lượng nguồn nhân lực ở cơ sở chưa đồng đều	Tạo nguồn cán bộ có chất lượng, bảo đảm tính kế thừa, phát triển bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh	
7	Chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc trên địa bàn tỉnh và Đề án phát triển, thu hút, trọng dụng nhân tài làm việc tại tỉnh	Năm 2026	Đang dự thảo	Chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng; cơ chế thu hút, giữ chân nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học công nghệ, y tế, giáo dục, chuyển đổi số	Cạnh tranh thu hút nhân lực chất lượng cao giữa các địa phương; khó khăn trong giữ chân nhân lực sau đào tạo	Tạo động lực thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số của tỉnh	

**PHỤ LỤC V. SỐ LIỆU THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN**  
(Ban hành kèm theo Báo cáo số -BC/BCĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh  
về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số)

**1. Số thủ tục hành chính:**

STT	Số TTHC		
	Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp xã
1	-	1.600	377

**2. Số dịch vụ công trực tuyến:**

STT	Số DVCTT					
	Cấp Trung ương		Cấp tỉnh		Cấp xã	
	Số DVCTT toàn trình	Số DVCTT một phần	Số DVCTT toàn trình	Số DVCTT một phần	Số DVCTT toàn trình	Số DVCTT một phần
1	-	-	698	902	143	234

**3. Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong 6 tháng đầu năm 2026 và lũy kế đến hiện tại:**

STT	Số hồ sơ trực tuyến		Số hồ sơ trực tiếp và hình thức khác	
	5 tháng đầu năm	Lũy kế đến hiện tại	5 tháng đầu năm	Lũy kế đến hiện tại
1	<b>Cấp Trung ương</b>			
2	<b>Cấp Tỉnh</b>			
	205.496	347.603	29.818	168.130
3	<b>Cấp Xã</b>			
	350.170	908.409	1.017	35.768

#### 4. Nhóm thủ tục chuyên biệt có thể gây điểm nghẽn cho thị trường công nghệ cần phải rà soát, cắt giảm

STT	Nhóm thủ tục	Điểm nghẽn chính	Đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa	Vấn đề cốt lõi sẽ được giải quyết
1	Thủ tục thử nghiệm công nghệ	-	-	-
2	Sandbox	-	-	-
3	Đặt hàng công nghệ; mua sắm công nghệ	-	-	-
4	Thành lập phòng thí nghiệm	-	-	-
5	Nhập khẩu thiết bị nghiên cứu	-	-	-
6	Đầu tư vào khu công nghệ cao	-	-	-
7	Cấp phép chuyên gia quốc tế	-	-	-
8	Định giá tài sản trí tuệ	-	-	-
9	Các nhóm thủ tục khác...	-	-	-

## PHỤ LỤC VI. TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI NỀN TẢNG SỐ QUỐC GIA, CHUYÊN NGÀNH, DÙNG CHUNG

(Ban hành kèm theo Báo cáo số -BC/BCĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số)

-----

STT	Tên nền tảng số	Cơ quan	Loại nền tảng số	Đã ban hành kế hoạch triển khai	Công bố phạm vi, đối tượng, nghiệp vụ, chức năng, tính năng nền tảng số	Công bố kiến trúc	Có dự án triển khai	Số kinh phí đã cấp	Số kinh phí đã giải ngân	Đã đi vào hoạt động	Đã tổ chức đào tạo cho địa phương	Đã ban hành quy chế vận hành nền tảng	Cấp phát tài khoản cho cấp tỉnh	Cấp phát tài khoản cho cấp xã	Đã phân cấp quản trị cho địa phương	Đã đánh giá đáp ứng các tiêu chí kỹ thuật khuyến nghị	Đã phát sinh giao dịch thực tế	Phát sinh dữ liệu cập nhật vào CSDL quốc gia, chuyên ngành
1	Công Dịch vụ công quốc gia	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Giải quyết TTHC	Đã ban hành văn bản chỉ đạo triển khai, kết nối, tích hợp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với Công DVCQG	Đã công bố, triển khai đối với 100% TTHC đủ điều kiện cung cấp DVCTT theo quy định	Theo kiến trúc, tiêu chuẩn kỹ thuật do Văn phòng Chính phủ ban hành	-	Không bố trí kinh phí riêng	-	Đã hoạt động	Đã triển khai tập huấn	Đã ban hành quy chế	Đã cấp tài khoản	Đã cấp tài khoản	Đã phân quyền	Đã đánh giá ATTT	Có phát sinh hồ sơ và giao dịch thường xuyên	Có phát sinh dữ liệu đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia
2	Dự án Số hóa Bảo tàng tỉnh Lâm Đồng: “Phát triển dữ liệu số và số hóa tài	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nền tảng dữ liệu số chuyên ngành	Kế hoạch số 6388/KH-UBND ngày 08/5/2026 về chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng	- Phạm vi: dữ liệu bảo tàng tỉnh. - Đối tượng: cơ quan quản lý nhà nước, đơn	Chưa công bố kiến trúc chi tiết; kiến trúc	Đang triển khai	50.000.000 (50 tỷ đồng)	-	-	-	-	-	-	-	Đang thẩm định	-	-







## PHỤ LỤC VII. VỀ DỮ LIỆU SỐ

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số -BC/BCĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số)*

-----

### 1. Tiến độ triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành

STT	Tên CSDL	Cơ quan chủ quản	Tiến độ thực hiện			Kinh phí đã được cấp (tỷ đồng)	Kinh phí đã giải ngân (tỷ đồng)	Ghi chú
			Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng	Đang triển khai, hoàn thiện	Chưa triển khai			
1	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Bộ Công an	X					Luật Căn cước 2023, Luật Cư trú 2020
2	Cơ sở dữ liệu căn cước	Bộ Công an	X					Luật Căn cước 2023
3	Cơ sở dữ liệu về cư trú	Bộ Công an	X					Luật Cư trú 2020

### 2. Thực trạng dữ liệu

STT	Loại dữ liệu/ dữ liệu	Đã có dữ liệu nhưng mới lưu trữ	Đã có chuẩn, chủ dữ liệu, cập nhật, API, phân quyền, có người khai thác	Đã tạo ra quyết định quản lý, sản phẩm AI, dịch vụ mới, thị trường dữ liệu, giá trị kinh tế
1	Dữ liệu dân cư		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dữ liệu dân cư được xây dựng tập trung, thống nhất, gồm các nhóm thông tin cơ bản của công dân; sử dụng số định danh cá nhân để quản lý, kết nối, chia sẻ.</li> <li>- Cơ quan quản lý căn cước, cư trú thuộc Bộ Công an tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành CSDL quốc gia về dân cư.</li> <li>- Cập nhật thông tin công dân khi có thay đổi về cư trú, hộ tịch, nhân khẩu, thông tin định danh; bảo đảm dữ liệu chính xác, đầy đủ.</li> <li>- Cho phép kết nối, chia sẻ với các hệ thống thông tin, CSDL khác phục vụ quản lý nhà nước, dịch vụ công.</li> </ul>	

STT	Loại dữ liệu/ dữ liệu	Đã có dữ liệu nhưng mới lưu trữ	Đã có chuẩn, chủ dữ liệu, cập nhật, API, phân quyền, có người khai thác	Đã tạo ra quyết định quản lý, sản phẩm AI, dịch vụ mới, thị trường dữ liệu, giá trị kinh tế
2	Cơ sở dữ liệu căn cước		<ul style="list-style-type: none"> <li>- CSDL căn cước chứa thông tin về căn cước, nhận dạng, sinh trắc học và các thông tin khác; bảo đảm thống nhất với CSDL quốc gia về dân cư.</li> <li>- Bộ Công an quản lý CSDL căn cước; tổ chức thu thập, cập nhật, khai thác, bảo vệ dữ liệu.</li> <li>- Cập nhật khi đăng ký, cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước; thay đổi thông tin cá nhân, dữ liệu sinh trắc học.</li> </ul> <p>Cho phép kết nối, khai thác dữ liệu căn cước để xác thực danh tính, phục vụ giao dịch điện tử.</p>	
3	Cơ sở dữ liệu về cư trú		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Là CSDL chuyên ngành về cư trú, quản lý thông tin nơi thường trú, tạm trú, lưu trú, tình trạng cư trú và các thông tin liên quan của công dân.</li> <li>- Cơ quan quản lý cư trú thuộc Bộ Công an tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành CSDL về cư trú.</li> <li>- Cập nhật khi công dân đăng ký thường trú, tạm trú, xóa đăng ký thường trú, tạm trú, thay đổi nơi cư trú, điều chỉnh thông tin cư trú.</li> <li>- Kết nối, chia sẻ dữ liệu cư trú phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, quản lý nhà nước, xác minh thông tin cư trú.</li> <li>- Cơ quan quản lý cư trú, cơ quan nhà nước, tổ chức được cấp quyền khai thác thông tin cư trú phục vụ nhiệm vụ.</li> </ul>	

Yêu cầu làm rõ: API nào đang khai thác ổn định; dữ liệu nào đã dùng để ra quyết định; dữ liệu nào giúp giảm thành phần hồ sơ; dữ liệu nào giúp phát triển sản phẩm AI; dữ liệu nào có thể mở cho doanh nghiệp khai thác; dữ liệu nào có thể hình thành thị trường dữ liệu. Và tổng dung lượng dữ liệu từng cấp độ là bao nhiêu.

**PHỤ LỤC VIII. VIỆC BỔ TRÍ CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số -BC/BCĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số)*

-----

STT	Số biên chế được giao	Số người đã được bổ trí	Số người còn thiếu	Lý do chưa bổ trí đủ	Ghi chú
1	264	128	136	Không có đủ nhân sự	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối đảng: Có 30/124 đơn vị xã, phường, đặc khu có CBCCVC kiêm nhiệm, chuyên trách về CNTT.</li> <li>- Khối UBND tỉnh: Có 98/140 đơn vị có CBCCVC kiêm nhiệm, chuyên trách về CNTT, gồm 82 xã và 16 Sở ngành, còn 42 xã chưa có nhân sự CNTT.</li> </ul>

**PHỤ LỤC IX. CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐI VÀO SẢN XUẤT**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số -BC/BCĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số)*

STT	Tên tỉnh/ thành phố	Số SME áp dụng nền tảng số có tăng doanh thu/năng suất	Số cụm công nghiệp có quản trị số, tiết kiệm năng lượng, xử lý môi trường	Số làng nghề có truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử, dữ liệu sản phẩm, bản đồ số	Số mô hình hạch toán được giá trị kinh tế do CDS mang lại	Ghi chú
1	Tỉnh Lâm Đồng	-	-	-	-	-

## PHỤ LỤC X. DANH MỤC CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC/SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số -BC/BCĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số)*

-----

TT	CNCL/ sản phẩm CNCL	Cơ quan, tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm	Trạng thái triển khai (nghiên cứu/thử nghiệm/ thương mại hóa)	Doanh nghiệp/ đơn vị chủ trì dẫn dắt	Tỷ lệ nội địa hóa (%)	Kết quả/ Sản phẩm đầu ra	Cơ chế thực thi đã áp dụng	Khó khăn/ Vướng mắc (cơ chế, vốn, nhân lực, giải pháp kỹ thuật...)
1	Xây dựng nền tảng dữ liệu số ngành khoa học và công nghệ, phục vụ quản trị, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng	Sở Khoa học và Công nghệ	Mới ở bước đầu, được thống nhất tại Công văn số 9066/UBND-KGVX ngày 13/6/2026 của UBND tỉnh	-	-	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành khoa học và công nghệ hoàn chỉnh;</li> <li>- Nền tảng phần mềm quản lý, khai thác và phân tích dữ liệu;</li> <li>- Bộ quy chế vận hành, chia sẻ và khai thác dữ liệu;</li> <li>- Đội ngũ cán bộ được đào tạo, có khả năng vận hành hệ thống.</li> </ul>	-	-
2	Hình thành Khu công nghệ cao Lâm Đồng, hướng tới hình thành cực tăng trưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh Lâm Đồng	Sở Khoa học và Công nghệ	Mới ở bước đầu, được thống nhất tại Công văn số 9066/UBND-KGVX ngày 13/6/2026 của UBND tỉnh	-	-	Đề án thành lập Khu công nghệ cao tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó Khu công nghệ cao tỉnh được xác định là khu công nghệ cao đa chức năng, đa ngành, phát triển theo mô hình xanh và thông minh, đóng vai trò là hạt nhân đổi mới sáng tạo và động lực tăng trưởng mới cho tỉnh và khu vực.	-	-

TT	CNCL/ sản phẩm CNCL	Cơ quan, tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm	Trạng thái triển khai (nghiên cứu/thử nghiệm/ thương mại hóa)	Doanh nghiệp/ đơn vị chủ trì dẫn dắt	Tỷ lệ nội địa hóa (%)	Kết quả/ Sản phẩm đầu ra	Cơ chế thực thi đã áp dụng	Khó khăn/ Vướng mắc (cơ chế, vốn, nhân lực, giải pháp kỹ thuật...)
3	Phát triển Cổng thông tin kết nối cung - cầu công nghệ, hình thành hạ tầng số phục vụ kết nối, giao dịch và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Sở Khoa học và Công nghệ	Mới ở bước đầu, được thống nhất tại Công văn số 9066/UBND-KGVX ngày 13/6/2026 của UBND tỉnh	-	-	Cổng thông tin kết nối cung cầu tỉnh Lâm Đồng được xây dựng, vận hành và duy trì, kết nối, liên thông dữ liệu với hệ thống sàn giao dịch khoa học và công nghệ Trung ương.	-	-

**PHỤ LỤC X.a. NHU CẦU PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC,  
SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số -BC/BCĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh  
về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số)*

-----

<b>TT</b>	<b>Nội dung báo cáo</b>	<b>Yêu cầu cụ thể</b>
1	Công nghệ chiến lược/sản phẩm công nghệ chiến lược trong phạm vi báo cáo	-
2	Nhu cầu, thị trường và chuỗi giá trị	-
3	Lợi thế hiện có	-
4	Địa điểm triển khai và hạ tầng còn thiếu cần đầu tư	-
5	Chủ thể tham gia và khách hàng đầu tiên	-
6	Cơ chế Trung ương cần tháo gỡ	-
7	Lộ trình và chỉ số đầu ra đến năm 2030	-



## PHỤ LỤC XII. RÀ SOÁT 7 NHÓM NGUỒN LỰC

(Ban hành kèm theo Báo cáo số -BC/BCĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số)

-----

STT	Nhóm nguồn lực	Đã bố trí bao nhiêu (tỷ đồng)	Đã giải ngân/vận hành bao nhiêu (tỷ đồng)	Đang chậm/dừng ở đâu?	Tác động đến mô hình tăng trưởng mới như thế nào?
1.	Hạ tầng cho công nghệ chiến lược, KHCN và R&D <sup>1</sup>	-	-	-	-
2.	Hạ tầng sản xuất công nghiệp công nghệ cao <sup>2</sup>	-	-	-	-
3.	Hạ tầng logistics và kết nối chuỗi giá trị <sup>3</sup>	-	-	-	-
4.	Hạ tầng đô thị tri thức và nhân lực <sup>4</sup>	-	-	-	-
5.	Nguồn lực cho đặt hàng, mua sắm công và tạo cầu thị trường <sup>5</sup>	-	-	-	-
6.	Nguồn lực tài chính cho doanh nghiệp công nghệ và đổi mới sản xuất <sup>6</sup>	-	-	-	-
7.	Quỹ đất, tài sản công và dự án chậm có thể chuyển hóa thành nguồn lực phát triển <sup>7</sup>	-	-	-	-

<sup>1</sup> Khu công nghệ cao; trung tâm R&D; phòng thí nghiệm, phòng lab dùng chung; dây chuyền thử nghiệm; trung tâm kiểm định, đo lường, thử nghiệm; trung tâm dữ liệu, cloud, AI computing; hạ tầng an toàn thông tin, an ninh mạng

<sup>2</sup> khu công nghiệp; khu công nghệ cao; khu công nghệ số tập trung; cụm công nghiệp sạch, thông minh; hạ tầng điện, nước, xử lý môi trường; hạ tầng phục vụ sản xuất thông minh, robot, tự động hóa, vật liệu mới, thiết bị y tế, chip, sinh học

<sup>3</sup> cảng, ICD, logistics hub nếu có; đường kết nối khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cảng, sân bay, đường sắt; logistics thương mại điện tử; logistics cho hàng công nghệ cao; kho lạnh, chuỗi cung ứng chuyên biệt nếu liên quan

<sup>4</sup> đại học, đô thị đại học; cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ cao; nhà ở chuyên gia; trường học, bệnh viện, dịch vụ hỗ trợ chuyên gia; hạ tầng phục vụ chuyên gia quốc tế, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ.

<sup>5</sup> chi đặt hàng công nghệ theo bài toán; mua sắm công đổi mới sáng tạo; sandbox; chi hỗ trợ thương mại hóa sản phẩm R&D.

<sup>6</sup> vốn môi; quỹ đầu tư mạo hiểm; hỗ trợ lãi suất đổi mới công nghệ; tín dụng cho SME đổi mới thiết bị; hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ; hỗ trợ doanh nghiệp gọi vốn, M&A, IPO.

<sup>7</sup> quỹ đất sạch cho KHCN, công nghiệp công nghệ cao, logistics, R&D, nhà ở chuyên gia; dự án chậm triển khai cần xử lý/thu hồi/thay nhà đầu tư; đất khu công nghiệp/khu công nghệ cao chưa sử dụng hiệu quả; tài sản công có thể chuyển đổi thành không gian đổi mới sáng tạo, phòng lab, trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp.

**PHỤ LỤC XIII. DANH MỤC HÀNH ĐỘNG ĐỘT PHÁ, LAN TỎA KẾT QUẢ**  
(Ban hành kèm theo Báo cáo số -BC/BCĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh  
về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số)

STT	Vấn đề cần giải quyết	Giải pháp thực hiện	Cơ chế, chính sách, nền tảng, dữ liệu, hạ tầng, nhân lực... đã sử dụng	Nguồn lực, kinh phí và thời gian triển khai	Kết quả định lượng	Tác động đối với người dân, doanh nghiệp, bộ máy nhà nước	Bài học và điều kiện nhân rộng	đánh giá tác động rủi ro khi nhân rộng (nếu có)	Vai trò người đứng đầu trong hoạt động đột phá (nếu có)	Đầu mối liên hệ
1	Hạ tầng mạng tại nhiều Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã chưa đáp ứng nhu cầu khai thác dịch vụ công trực tuyến ngày càng tăng sau sáp nhập và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Triển khai nâng cấp đồng bộ hạ tầng Internet băng rộng và Wifi công cộng theo Kế hoạch số 3450/KH-UBND ngày 17/3/2026; phối hợp doanh nghiệp viễn thông triển khai Wifi 6/7 tốc độ cao tại bộ phận một cửa cấp xã	Kế hoạch số 3450/KH-UBND; hạ tầng Internet băng rộng; Wifi 6/7; phối hợp doanh nghiệp viễn thông	Triển khai trong năm 2026 từ nguồn lực chuyển đổi số và phối hợp doanh nghiệp viễn thông	47/124 đơn vị vận hành thành công Wifi 6/7; tốc độ truy cập đạt trên 1 Gb/s; đáp ứng ổn định khoảng 100–200 lượt truy cập đồng thời; 63/124 đơn vị hoàn thành phương án kỹ thuật triển khai	Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; cải thiện trải nghiệm sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tạo nền tảng thúc đẩy chuyển đổi số cấp cơ sở	Cần ưu tiên đầu tư hạ tầng số tại cơ sở, đẩy mạnh phối hợp công - nghiệp viễn thông và triển khai theo hướng đồng bộ, dùng chung	Rủi ro chủ yếu là chênh lệch chất lượng hạ tầng tại vùng sâu, vùng xa và yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin mạng	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch, đơn đốc tiến độ triển khai và kiểm tra vận hành tại cơ sở	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và phát triển tài sản trí tuệ còn phân tán; thiếu cơ chế kết nối hiệu quả giữa nghiên cứu, doanh nghiệp và thị trường	Hoàn thiện thể chế, ban hành cơ chế chính sách; xây dựng, vận hành Cổng thông tin kết nối cung – cầu công nghệ tỉnh Lâm Đồng; khảo sát, đánh giá hiện trạng công nghệ và năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp	Cổng thông tin kết nối cung – cầu công nghệ; cơ chế hỗ trợ đổi mới sáng tạo; nền tảng số kết nối cung cầu công nghệ	Triển khai giai đoạn 2025–2026 bằng nguồn ngân sách khoa học công nghệ và nguồn lực chuyên môn	Vận hành Cổng thông tin kết nối cung - cầu công nghệ; hình thành mạng lưới kết nối chuyển giao thiết bị, phần mềm quản trị và truy xuất nguồn gốc; quản lý hiệu quả trên 51 nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và chỉ dẫn địa lý	Thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm địa phương, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận công nghệ và mở rộng thị trường	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo cần gắn hoàn thiện thể chế với nền tảng số, phát triển tài sản trí tuệ và hỗ trợ doanh nghiệp theo nhu cầu thực tiễn	Rủi ro chủ yếu là khả năng duy trì kết nối cung – cầu công nghệ và mức độ tham gia của doanh nghiệp	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch, đơn đốc tiến độ triển khai và kiểm tra kết quả thực hiện	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Vấn đề cần giải quyết	Giải pháp thực hiện	Cơ chế, chính sách, nền tảng, dữ liệu, hạ tầng, nhân lực... đã sử dụng	Nguồn lực, kinh phí và thời gian triển khai	Kết quả định lượng	Tác động đối với người dân, doanh nghiệp, bộ máy nhà nước	Bài học và điều kiện nhân rộng	đánh giá tác động rủi ro khi nhân rộng (nếu có)	Vai trò người đứng đầu trong hoạt động đột phá (nếu có)	Đầu mối liên hệ
3	Nhiều sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOF của địa phương chưa được bảo hộ và khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ	Đẩy mạnh hỗ trợ đăng ký, quản lý và phát triển quyền sở hữu trí tuệ; triển khai bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm đặc trưng của tỉnh	Hệ thống sở hữu trí tuệ; chỉ dẫn địa lý; nhãn hiệu chứng nhận; cơ chế hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ	Triển khai thường xuyên giai đoạn 2025–2026 từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ	Quản lý hiệu quả trên 51 nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và chỉ dẫn địa lý; công bố chỉ dẫn địa lý “Cà phê Lâm Đồng”; triển khai bảo hộ nhãn hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” tại Hàn Quốc và Nhật Bản	Nâng cao giá trị gia tăng cho nông sản địa phương, hỗ trợ mở rộng thị trường và tăng năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp	Phát triển tài sản trí tuệ gắn với chiến lược thương hiệu, thị trường và chuyên đổi số trong truy xuất nguồn gốc sản phẩm	Rủi ro chủ yếu là xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và khó khăn trong quản lý, khai thác sau bảo hộ	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch, đơn đốc tiến độ triển khai và kiểm tra kết quả thực hiện	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Sau sáp nhập và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, khối lượng công việc tại cấp xã tăng mạnh, nhất là việc thực hiện các báo cáo chuyên đề, định kỳ, đột xuất	Triển khai Hệ thống báo cáo (LRIS) hỗ trợ các địa phương trong báo cáo số liệu chuyên đề, định kỳ, đột xuất trên hệ thống	Hệ thống báo cáo LRIS; nền tảng số quản lý báo cáo	Triển khai trong năm 2026 từ nguồn kinh phí chuyển đổi số	UBND cấp xã tiết kiệm đáng kể thời gian thực hiện báo cáo; có thể mở rộng triển khai cho thôn, bản theo nhu cầu quản lý	Thuận lợi cho công tác báo cáo; hình thành và quản lý dữ liệu, số liệu kinh tế - xã hội địa phương	Việc triển khai hệ thống phải gắn với nhu cầu thực tiễn của hoạt động quản lý nhà nước	Rủi ro chủ yếu là chất lượng dữ liệu đầu vào và năng lực sử dụng hệ thống tại cơ sở	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp triển khai	Văn phòng UBND tỉnh
5	Sau sáp nhập địa phương, dữ liệu và hệ thống quản lý văn bản giữa các đơn vị chưa đồng bộ	Triển khai hợp nhất dữ liệu, vận hành thống nhất Hệ thống quản lý văn bản và điều hành toàn tỉnh; kết nối liên thông với Trục liên thông văn bản quốc gia và LGSP tỉnh	Hệ thống quản lý văn bản điện tử; Trục liên thông văn bản quốc gia; nền tảng LGSP; chữ ký số	Triển khai trong giai đoạn 2025–2026 từ nguồn kinh phí chuyển đổi số	Hoàn thành khai báo cho 169 đơn vị với hơn 30.000 tài khoản; hợp nhất dữ liệu văn bản sau sáp nhập; 100% lãnh đạo và chuyên viên giải	Nâng cao hiệu quả xử lý công việc trên môi trường số; giảm văn bản giấy; rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ	Cần triển khai đồng bộ hạ tầng, dữ liệu và tài khoản người dùng khi thực hiện hợp nhất hệ thống	Rủi ro chủ yếu là mất an toàn thông tin và khó khăn trong đồng bộ dữ liệu	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch, đơn đốc tiến độ triển khai và	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Vấn đề cần giải quyết	Giải pháp thực hiện	Cơ chế, chính sách, nền tảng, dữ liệu, hạ tầng, nhân lực... đã sử dụng	Nguồn lực, kinh phí và thời gian triển khai	Kết quả định lượng	Tác động đối với người dân, doanh nghiệp, bộ máy nhà nước	Bài học và điều kiện nhân rộng	đánh giá tác động rủi ro khi nhân rộng (nếu có)	Vai trò người đứng đầu trong hoạt động đột phá (nếu có)	Đầu mối liên hệ
			chuyên dùng công vụ		quyết TTHC được trang bị chữ ký số			giữa các hệ thống cũ	kiểm tra vận hành	
6	Kỹ năng số của người dân, đặc biệt tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa còn hạn chế	Triển khai nền tảng “Bình dân học vụ số” và xây dựng “Sổ tay điện tử Bình dân học vụ số tỉnh Lâm Đồng”; phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng	Nền tảng “Bình dân học vụ số”; học liệu điện tử; Tổ công nghệ số cộng đồng	Triển khai trong năm 2026 bằng nguồn lực chuyển đổi số và huy động cộng đồng	Hơn 119.000 lượt người tham gia học tập; 100% xã, phường, đặc khu thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng	Góp phần hình thành xã hội số, nâng cao nhận thức và kỹ năng số trong cộng đồng	Cần phát huy vai trò lực lượng cơ sở, đa dạng hóa học liệu và gắn nội dung đào tạo với nhu cầu người dân	Rủi ro chủ yếu là chênh lệch khả năng tiếp cận công nghệ giữa các nhóm dân cư	Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch, đơn đốc tiến độ triển khai và kiểm tra kết quả tại cơ sở	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Dữ liệu chuyên ngành còn phân tán, việc khai thác và sử dụng dữ liệu số phục vụ người dân, doanh nghiệp chưa đồng bộ	Đẩy mạnh kết nối, làm sạch dữ liệu chuyên ngành với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; triển khai các tiện ích số trên VNeID, hồ sơ sức khỏe điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và ứng dụng Công dân số Lâm Đồng	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; nền tảng VNeID; hồ sơ sức khỏe điện tử; ứng dụng Công dân số Lâm Đồng	Triển khai thường xuyên gắn với Đề án 06 và chuyển đổi số	Tạo lập trên 3,18 triệu hồ sơ sức khỏe điện tử; kích hoạt hơn 2,23 triệu tài khoản định danh điện tử; 100% TTHC có nghĩa vụ tài chính triển khai thanh toán trực tuyến	Nâng cao chất lượng phục vụ người dân; thúc đẩy khai thác dữ liệu số phục vụ quản lý nhà nước và phát triển kinh tế số	Cần bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống” và tăng cường chia sẻ dữ liệu giữa các ngành	Rủi ro chủ yếu là an toàn dữ liệu cá nhân và khả năng đồng bộ giữa các hệ thống	Lãnh đạo Công an tỉnh thường xuyên chỉ đạo kiểm tra tiến độ triển khai Đề án 06	Công an tỉnh Lâm Đồng - Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội (PC06)
8	Sau sáp nhập tỉnh, địa bàn quản lý rộng, số lượng đơn vị hành chính tăng, yêu cầu chỉ đạo, điều hành nhanh, thống nhất từ	Duy trì, nâng cấp và mở rộng hạ tầng hội nghị truyền hình trực tuyến trong 04 khối, bảo đảm kết nối thông suốt từ cấp tỉnh đến	Sử dụng hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống hội nghị truyền	Triển khai trong năm 2026 từ nguồn kinh phí chuyển đổi số và	Hạ tầng hội nghị trực tuyến trong 04 khối được duy trì ổn định và mở rộng kết nối đến 124 xã, phường,	Nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành; rút ngắn thời gian triển khai nhiệm vụ; giảm chi phí	Cần có sự chỉ đạo thống nhất, hạ tầng mạng ổn định, cơ chế	Rủi ro chủ yếu liên quan đến an toàn thông tin, chất	Lãnh đạo tỉnh trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch, tổ chức triển	Văn phòng Tỉnh ủy; Sở Khoa học và

STT	Vấn đề cần giải quyết	Giải pháp thực hiện	Cơ chế, chính sách, nền tảng, dữ liệu, hạ tầng, nhân lực... đã sử dụng	Nguồn lực, kinh phí và thời gian triển khai	Kết quả định lượng	Tác động đối với người dân, doanh nghiệp, bộ máy nhà nước	Bài học và điều kiện nhân rộng	đánh giá tác động rủi ro khi nhân rộng (nếu có)	Vai trò người đứng đầu trong hoạt động đột phá (nếu có)	Đầu mối liên hệ
	tính đến cơ sở đặt ra cấp thiết; trong khi hình thức hội họp trực tiếp phát sinh nhiều thời gian, chi phí và chưa đáp ứng yêu cầu xử lý công việc theo thời gian thực	124 xã, phường, đặc khu; đồng thời nâng cấp hạ tầng mạng, trang thiết bị và đường truyền phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến theo hướng đồng bộ, ổn định và an toàn thông tin	hình trực tuyến bảo mật, các nền tảng điều hành phục vụ kết nối liên thông từ tỉnh đến cơ sở; tận dụng hạ tầng sẵn có kết hợp đầu tư bổ sung thiết bị cần thiết	các nguồn kinh phí hợp pháp khác	đặc khu; bảo đảm phục vụ hiệu quả các cuộc họp, giao ban và chỉ đạo điều hành trực tuyến từ tỉnh đến cơ sở	hội họp, đi lại; tăng cường khả năng xử lý công việc theo thời gian thực; góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động của hệ thống chính trị	phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị và đội ngũ kỹ thuật tại cơ sở; mô hình có thể nhân rộng đối với các ngành, lĩnh vực có hệ thống điều hành liên thông từ tỉnh đến cơ sở	lượng đường truyền và hạ tầng mạng tại vùng sâu, vùng xa; cần bảo đảm nguồn lực vận hành, duy trì và hỗ trợ kỹ thuật thường xuyên	khai, kiểm tra tiến độ và vận hành hệ thống tại các cơ quan, đơn vị, địa phương	Công nghệ
9	Khối lượng báo cáo lớn, thực hiện thủ công, khó theo dõi tiến độ và đánh giá chỉ tiêu công tác; người dân khó tra cứu thông tin liên hệ của Công an các đơn vị	Xây dựng phần mềm báo cáo ngày và quản lý, đánh giá chỉ tiêu công tác; xây dựng ứng dụng “Danh bạ Công an Lâm Đồng” trên thiết bị di động	Hệ thống mạng nội bộ ngành Công an; nền tảng thiết bị di động; cơ sở dữ liệu tập trung	Triển khai trong năm 2026 bằng nguồn lực nội bộ và cán bộ kỹ thuật của Công an tỉnh	Hệ thống đáp ứng quản lý chỉ tiêu của 154 đơn vị; giảm thời gian tổng hợp báo cáo; hỗ trợ người dân tra cứu nhanh thông tin liên hệ	Nâng cao tính chính xác, kịp thời trong công tác tham mưu; tăng cường kết nối giữa lực lượng Công an với người dân	Hiệu quả khi dữ liệu được chuẩn hóa và có sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị sử dụng	Rủi ro chủ yếu là chất lượng dữ liệu đầu vào và an toàn thông tin	Lãnh đạo Công an tỉnh trực tiếp chỉ đạo xây dựng phần mềm và giám sát kết quả thực hiện với công tác thi đua	Công an tỉnh Lâm Đồng - Phòng Tham mưu (PV01)
10	Người dân còn phải cung cấp nhiều loại giấy tờ; dữ liệu giữa các hệ thống chưa được khai thác hiệu quả	Đẩy mạnh thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; tăng cường khai thác, làm sạch dữ liệu dân cư;	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; nền tảng VNeID; hệ thống dịch	Triển khai thường xuyên giai đoạn 2025–2026 gắn	Tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trong 05 tháng đầu năm 2026 đạt trên 98%	Giảm thời gian, chi phí thực hiện TTHC; nâng cao mức độ hài lòng của người dân	Cần bảo đảm dữ liệu nền đầy đủ, chính xác và sự phối hợp chặt chẽ	Rủi ro chủ yếu là an toàn dữ liệu và khả năng đồng bộ	Lãnh đạo Công an tỉnh thường xuyên chỉ đạo kiểm tra tiến độ triển	Công an tỉnh Lâm Đồng - Phòng Cảnh sát Quản lý

STT	Vấn đề cần giải quyết	Giải pháp thực hiện	Cơ chế, chính sách, nền tảng, dữ liệu, hạ tầng, nhân lực... đã sử dụng	Nguồn lực, kinh phí và thời gian triển khai	Kết quả định lượng	Tác động đối với người dân, doanh nghiệp, bộ máy nhà nước	Bài học và điều kiện nhân rộng	đánh giá tác động rủi ro khi nhân rộng (nếu có)	Vai trò người đứng đầu trong hoạt động đột phá (nếu có)	Đầu mối liên hệ
		triển khai kết nối, tái sử dụng dữ liệu	vụ công trực tuyến	với Đề án 06			giữa các cơ quan	giữa các hệ thống	khai Đề án 06	hành chính về trật tự xã hội (PC06)
11	Sau sáp nhập đơn vị hành chính và triển khai chính quyền địa phương 02 cấp, nhiều địa bàn cơ sở còn thiếu nhân lực hỗ trợ chuyển đổi số; người dân, nhất là tại vùng sâu, vùng xa còn hạn chế về kỹ năng số, tiếp cận dịch vụ công trực tuyến và sử dụng các tiện ích số	Công an tỉnh triển khai đợt 2 mô hình “Tôi làm Công an xã” gắn với phong trào “Bình dân học vụ số” từ ngày 18/5/2026 đến ngày 18/8/2026; tăng cường 224 cán bộ, chiến sĩ về cơ sở trực tiếp hỗ trợ triển khai Đề án 06, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, cài đặt và kích hoạt tài khoản định danh điện tử, sử dụng ứng dụng VNeID và phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân	Triển khai trên cơ sở Đề án 06 của Chính phủ, phong trào “Bình dân học vụ số”; sử dụng nền tảng VNeID, nền tảng “Bình dân học vụ số”, hệ thống dịch vụ công trực tuyến và lực lượng Công an cơ sở làm nòng cốt hỗ trợ người dân	Triển khai từ ngày 18/5/2026 đến ngày 18/8/2026 bằng nguồn lực cán bộ, chiến sĩ Công an tỉnh và kinh phí thực hiện Đề án 06, chuyển đổi số	224 cán bộ, chiến sĩ được tăng cường về cơ sở; hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, cài đặt định danh điện tử và phổ cập kỹ năng số tại các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh	Góp phần thúc đẩy chuyển đổi số từ cơ sở; nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho người dân; tăng tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến và tiện ích số; phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng Công an trong triển khai Đề án 06 và xây dựng xã hội số	Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng Công an, chính quyền cơ sở và các tổ chức công nghệ số cộng đồng; chú trọng công tác tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp cho người dân; mô hình có thể nhân rộng tại các địa bàn còn khó khăn về kỹ năng số	Rủi ro chủ yếu là thiếu nhân lực duy trì lâu dài tại cơ sở, chênh lệch trình độ tiếp cận công nghệ giữa các nhóm dân cư và hạn chế hạ tầng số tại vùng sâu, vùng xa	Lãnh đạo Công an tỉnh trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch, tổ chức lễ phát động, phân công lực lượng và kiểm tra, đôn đốc quá trình triển khai tại cơ sở	Công an tỉnh Lâm Đồng

**PHỤ LỤC XIV. DANH MỤC ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG**  
(Ban hành kèm theo Báo cáo số -BC/BCĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh  
về phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số)

-----

STT	Nội dung đề xuất, kiến nghị	Thẩm quyền xem xét, quyết định	Cơ quan chủ trì xử lý đề xuất, kiến nghị	Cơ quan phối hợp xử lý đề xuất, kiến nghị	Sản phẩm/kết quả đầu ra mong muốn	Thời hạn hoàn thành
<b>I</b>	<b>Nhóm vấn đề cơ quan, địa phương tự xử lý được, nêu rõ cam kết và thời hạn hoàn thành</b>					
1	Tiếp tục triển khai nâng cấp hạ tầng Internet băng rộng, Wifi công cộng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	UBND tỉnh Lâm Đồng	Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp viễn thông; UBND cấp xã	Hoàn thành triển khai Wifi tốc độ cao tại các đơn vị còn lại; nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ công trực tuyến	Năm 2026
2	Tiếp tục triển khai Kế hoạch khắc phục các khu vực lõm sóng di động trên địa bàn tỉnh; ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới và các địa bàn chưa có điện lưới ổn định	UBND tỉnh Lâm Đồng	Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp viễn thông; Công ty Điện lực Lâm Đồng; UBND cấp xã	Mở rộng vùng phủ sóng di động, nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông và khả năng tiếp cận dịch vụ số của người dân	Năm 2026
3	Tiếp tục triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, nâng cao kỹ năng số cho người dân, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa	UBND tỉnh Lâm Đồng	Sở Khoa học và Công nghệ	Tinh đoàn; Hội Phụ nữ; UBND cấp xã	Mở rộng học liệu số; nâng cao tỷ lệ người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ số	Thường xuyên
4	Tiếp tục làm sạch, kết nối và khai thác hiệu quả dữ liệu dân cư, dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	UBND tỉnh Lâm Đồng	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến; tăng hiệu quả khai thác dữ liệu số phục vụ người dân	Thường xuyên

STT	Nội dung đề xuất, kiến nghị	Thẩm quyền xem xét, quyết định	Cơ quan chủ trì xử lý đề xuất, kiến nghị	Cơ quan phối hợp xử lý đề xuất, kiến nghị	Sản phẩm/kết quả đầu ra mong muốn	Thời hạn hoàn thành
5	Hoàn thiện việc hợp nhất, chuẩn hóa và vận hành thống nhất Hệ thống quản lý văn bản và điều hành sau sáp nhập; bảo đảm 100% cơ quan, đơn vị vận hành ổn định trên môi trường số	UBND tỉnh Lâm Đồng	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hệ thống quản lý văn bản điện tử vận hành thống nhất, liên thông, ổn định toàn tỉnh	Năm 2026
<b>II</b>	<b>Nhóm vấn đề cần bộ, ngành hướng dẫn, phối hợp hoặc tháo gỡ</b>					
1	Chỉ đạo các Bộ, ngành sớm ban hành hướng dẫn về chuẩn hóa cơ sở dữ liệu chuyên ngành thống nhất từ Trung ương đến địa phương; hoàn thiện và kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia (đất đai, bảo hiểm, tài chính, thuế...) để địa phương có cơ sở xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành đồng bộ, thống nhất	Chính phủ	Bộ Công an, Bộ Xây dựng, Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành liên quan	UBND các tỉnh, thành phố; Bộ Khoa học và Công nghệ	Ban hành khung cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hướng dẫn kết nối, chia sẻ dữ liệu đồng bộ trên toàn quốc	Năm 2026
2	Đề nghị Văn phòng Trung ương Đảng tiếp tục hoàn thiện Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp; khắc phục kịp thời các lỗi phần mềm phát sinh; thuận tiện trong xử lý văn bản, nâng cao khả năng liên thông, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống dùng chung trong cơ quan Đảng	Văn phòng Trung ương Đảng	Văn phòng Trung ương Đảng	Văn phòng Tỉnh ủy Lâm Đồng và các cơ quan liên quan	Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp được nâng cấp ổn định, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng thống nhất từ Trung ương đến địa phương	Năm 2026
3	Đề nghị Văn phòng Trung ương Đảng sớm chuyển giao phần mềm số hóa, quản lý tài liệu số hóa (phiên bản chính thức) cho Văn phòng Tỉnh ủy Lâm Đồng để	Văn phòng Trung ương Đảng	Văn phòng Trung ương Đảng	Văn phòng Tỉnh ủy Lâm Đồng	Phần mềm số hóa, quản lý tài liệu số hóa được triển khai chính thức tại địa phương, phục vụ	Năm 2026

STT	Nội dung đề xuất, kiến nghị	Thẩm quyền xem xét, quyết định	Cơ quan chủ trì xử lý đề xuất, kiến nghị	Cơ quan phối hợp xử lý đề xuất, kiến nghị	Sản phẩm/kết quả đầu ra mong muốn	Thời hạn hoàn thành
	triển khai cài đặt, vận hành và sử dụng thống nhất, hiệu quả				công tác lưu trữ, quản lý và khai thác tài liệu số	
4	Đề nghị Ban Tổ chức Trung ương sớm nâng cấp, hoàn thiện các phần mềm cơ sở dữ liệu đảng viên, Sổ tay đảng viên điện tử và khắc phục các lỗi phát sinh trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính trong Đảng trên Cổng dịch vụ công	Ban Tổ chức Trung ương	Ban Tổ chức Trung ương	Văn phòng Trung ương Đảng, các tỉnh ủy, thành ủy	Các phần mềm được nâng cấp, vận hành ổn định, bảo đảm liên thông dữ liệu, hỗ trợ hiệu quả công tác quản lý đảng viên và giải quyết thủ tục hành chính trong Đảng	Năm 2026
5	Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý khoa học, công nghệ và chuyên đổi số ở cấp tỉnh, cấp cơ sở hoặc ban hành khung đào tạo, bồi dưỡng để địa phương chủ động triển khai	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nội vụ; UBND các tỉnh, thành phố	Chương trình, tài liệu và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thống nhất toàn quốc	Năm 2026
6	Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế sandbox đối với các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính	Văn bản hướng dẫn triển khai cơ chế sandbox cho hoạt động đổi mới sáng tạo	Năm 2026
7	Sớm ban hành Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2026-2030; Chương trình phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn 2026-2030; các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 268/2025/NĐ-CP	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các Bộ, ngành liên quan	Hệ thống chương trình, kế hoạch và văn bản hướng dẫn triển khai thống nhất	Năm 2026

STT	Nội dung đề xuất, kiến nghị	Thẩm quyền xem xét, quyết định	Cơ quan chủ trì xử lý đề xuất, kiến nghị	Cơ quan phối hợp xử lý đề xuất, kiến nghị	Sản phẩm/kết quả đầu ra mong muốn	Thời hạn hoàn thành
8	Hướng dẫn cụ thể về cơ chế tổ chức, quản lý và vận hành sàn giao dịch công nghệ; cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia Chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng; cơ chế thu hút, đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao; phương pháp xác định và tổ chức giải quyết các bài toán lớn của ngành, lĩnh vực, địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính; Bộ Nội vụ; UBND các tỉnh, thành phố	Văn bản hướng dẫn chuyên ngành và cơ chế triển khai cụ thể	Năm 2026
9	Hướng dẫn làm rõ tiêu chí doanh thu tối thiểu 05 tỷ đồng theo điểm c khoản 5 Điều 29 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP có phải là tiêu chí bắt buộc khi thành lập/công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo; hướng dẫn áp dụng đối với trung tâm mới thành lập hoặc địa phương còn khó khăn	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	UBND các tỉnh, thành phố	Văn bản hướng dẫn áp dụng tiêu chí công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo phù hợp thực tiễn địa phương	Năm 2026
10	Hướng dẫn cụ thể về “cấp có thẩm quyền phê duyệt” đối với hồ sơ dự án đầu tư theo khoản 5 Điều 11 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP; làm rõ trường hợp doanh nghiệp tự phê duyệt dự án bằng nguồn vốn của doanh nghiệp theo Điều lệ doanh nghiệp có đáp ứng yêu cầu hay không	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nếu có)	Văn bản hướng dẫn thống nhất về hồ sơ, thẩm quyền phê duyệt dự án	Năm 2026
11	Ban hành hoặc hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục xây dựng các trạm BTS trên đất rừng nhằm tháo gỡ khó khăn trong	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Khoa học và Công nghệ; doanh nghiệp	Hướng dẫn pháp lý thống nhất về đầu tư	Năm 2026

<b>STT</b>	<b>Nội dung đề xuất, kiến nghị</b>	<b>Thẩm quyền xem xét, quyết định</b>	<b>Cơ quan chủ trì xử lý đề xuất, kiến nghị</b>	<b>Cơ quan phối hợp xử lý đề xuất, kiến nghị</b>	<b>Sản phẩm/kết quả đầu ra mong muốn</b>	<b>Thời hạn hoàn thành</b>
	đầu tư hạ tầng viễn thông tại vùng sâu, vùng xa			viễn thông; UBND các tỉnh, thành phố	xây dựng trạm BTS trên đất rừng	
12	Quan tâm bố trí nguồn vốn và đầu tư hạ tầng điện phục vụ cấp điện cho các trạm BTS theo kế hoạch khắc phục vùng lùm sóng di động trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Tổng công ty Điện lực miền Nam; UBND tỉnh Lâm Đồng; doanh nghiệp viễn thông	Hạ tầng điện bảo đảm cung cấp điện ổn định cho các trạm BTS	Năm 2026